

BỘ TƯ PHÁP
TRƯỜNG CAO ĐẲNG LUẬT
MIỀN BẮC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 33/QĐ-CĐLMB

Thái Nguyên, ngày 22 tháng 3 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ cao đẳng

Pháp luật của Trường Cao đẳng Luật Miền Bắc

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG LUẬT MIỀN BẮC

Căn cứ Luật giáo dục nghề nghiệp ngày 27/11/2014;

Căn cứ Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về Điều lệ trường cao đẳng; Thông tư số 18/2018/TT-BLĐTBXH ngày 30/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều các thông tư liên quan đến thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 869/QĐ-LĐTBXH ngày 10/7/2020 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc thành lập Trường Cao đẳng Luật Miền Bắc;

Căn cứ Quyết định số 2135/QĐ-BTP ngày 21/10/2020 của Bộ Tư pháp quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Trường Cao đẳng Luật miền Bắc;

Căn cứ kết quả thẩm định tại Biên bản thẩm định Chương trình đào tạo ngày 19/3/2021 của Hội đồng thẩm định Chương trình đào tạo của Trường Cao đẳng Luật Miền Bắc;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Đào tạo và Công tác học sinh, sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo trình độ cao đẳng Pháp luật của Trường Cao đẳng Luật Miền Bắc.

Điều 2. Chương trình đào tạo được áp dụng cho đối tượng là người học nhập học từ năm học 2021-2022.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Trưởng phòng Phòng Đào tạo và Công tác học sinh, sinh viên, Trưởng các Phòng, Khoa và Trưởng

các đơn vị, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *HLR*

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để t/h);
- Vụ TCCB (để b/c);
- Lưu: VT, TCHCTV, DT&CTHSSV.

Q. HIỆU TRƯỞNG



Hoàng Xuân Châu



CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 33/QĐ-CDLMB ngày 22 tháng 3 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Luật Miền Bắc)

Tên ngành, nghề: Pháp luật

Mã ngành, nghề: 6380101

Trình độ đào tạo: Cao đẳng

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Người học đã có bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương trở lên.

Thời gian đào tạo: 2,5 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân cao đẳng Pháp luật có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp, sức khỏe tốt đáp ứng yêu cầu nguồn nhân lực làm công tác pháp luật của khối các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị và tổ chức chính trị - xã hội như: Công chức Tư pháp – Hộ tịch, chuyên viên tổng hợp, chuyên viên văn phòng đảng, đoàn thể, chuyên viên làm công tác pháp chế tại các sở, ngành của địa phương...

1.2. Mục tiêu cụ thể

* Về kiến thức:

- Hiểu về Chủ nghĩa Mác - Lê nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam và quốc phòng - an ninh;

- Hiểu về Nhà nước và pháp luật nói chung và về Nhà nước và hệ thống pháp luật của Việt Nam; về cơ cấu tổ chức và hoạt động của các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, chính trị - xã hội;

- Hiểu về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và thực tiễn pháp lý liên quan đến vị trí công việc được đào tạo.

* Về kỹ năng:

Sau khi học xong chương trình này sinh viên có kỹ năng:

- Vận dụng kiến thức đã học, cập nhật pháp luật hiện hành và vận dụng đúng đắn quy định pháp luật trong thực tiễn công tác;



- Soạn thảo các văn bản trong thực tiễn công tác, đặc biệt là các văn bản hành chính thông dụng trong các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội như: công văn, quyết định, tờ trình, biên bản, kế hoạch, báo cáo ...

- Tra cứu thông tin, tra cứu văn bản, tài liệu; sử dụng thành thạo các thiết bị văn phòng và sử dụng tốt tin học văn phòng trong việc soạn thảo văn bản, sử dụng internet để thu thập, xử lý thông tin;

- Giao tiếp tốt, linh hoạt, nhanh nhẹn trong công việc; thực hiện nhanh chóng công việc tại các cơ quan tổ chức có sử dụng lao động có kiến thức pháp luật.

** Về năng lực tự chủ, tự chịu trách nhiệm:*

- Tuân thủ đường lối, chủ trương của Đảng và pháp luật của Nhà nước;

- Chuyên nghiệp, linh hoạt, độc lập và có trách nhiệm với công việc;

- Có ý thức đạo đức nghề nghiệp, ý thức kỷ luật lao động và tôn trọng nội quy nơi làm việc.

1.3. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp, người học có thể làm việc tại các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội với nhiều vị trí việc làm khác nhau, cụ thể:

- Làm việc tại các cơ quan nhà nước: Công chức Tư pháp – Hộ tịch, văn phòng, thống kê, chuyên viên tổng hợp, chuyên viên làm công tác pháp chế tại các sở ngành của địa phương ...;

- Làm việc tại các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị, xã hội: Chuyên viên văn phòng đảng, đoàn thể, Trưởng các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã: Bí thư Đoàn thanh niên, Chủ tịch Hội phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân ...

2. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC VÀ THỜI GIAN KHÓA HỌC:

- Số lượng mô đun: 27, trong đó có 24 mô đun bắt buộc và 03 mô đun tự chọn.

- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 89 tín chỉ

- Khối lượng các mô đun chung/đại cương: 18 tín chỉ

- Khối lượng các mô đun chuyên môn: 71 tín chỉ

- Khối lượng lý thuyết: 691 giờ

- Thực hành, thực tập: 1.394 giờ

3. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

Mã MH	Tên mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ bài tập/ thảo luận	Thi/ kiểm tra
I	CÁC MÔ ĐUN CƠ SỞ CHUNG					
L.CSC01	Giáo dục chính trị	4	75	41	29	5
L.CSC02	Giáo dục thể chất	2	60	5	51	4
L.CSC03	Giáo dục Quốc phòng và An ninh	3	75	36	35	4
L.CSC04	Tin học	3	75	15	58	2
L.CSC05	Tiếng Anh	5	120	42	72	6
L.CSC06	Pháp luật	1	30	18	10	2
Tổng		18	435	157	255	23
II	CÁC MÔ ĐUN CHUYÊN MÔN <i>71 tín chỉ - 1.650 giờ</i>					
1	Các mô đun cơ sở ngành					
L.CSN01	Lý luận nhà nước và pháp luật	5	90	60	27	3
L.CSN02	Luật Hiến pháp	4	90	30	57	3
L.CSN03	Luật Hành chính	4	90	30	57	3
L.CSN04	Pháp luật về phòng chống tham nhũng	3	45	15	28	2
Tổng		16	315	135	169	11
2	Các mô đun chuyên ngành					
2.1	Các mô đun bắt buộc					
L.LCN01	Luật Dân sự 1 (cơ bản)	4	75	45	27	3
L.LCN02	Luật Tố tụng dân sự	4	90	30	57	3
L.LCN03	Luật Hình sự 1 (cơ bản)	3	60	28	30	2
L.LCN04	Luật Tố tụng hình sự	4	90	30	57	3
L.LCN05	Luật Hôn nhân và gia đình	3	60	28	30	2
L.LCN06	Luật Thương mại 1 (cơ bản)	3	60	28	30	2

Mã MH	Tên mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ bài tập/ thảo luận	Thi/ kiểm tra
L.LCN07	Luật Tài chính	4	90	30	57	3
L.LCN08	Luật Lao động	4	90	30	57	3
L.LCN09	Luật Đất đai	4	90	30	57	3
L.LCN10	Pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức	2	45	15	28	2
L.KNCN01	Kỹ năng hành chính văn phòng	2	45	15	28	2
L.KNCN02	Kỹ năng soạn thảo văn bản hành chính	2	45	15	28	2
L.KNCN03	Kỹ năng quản lý và sử dụng thiết bị văn phòng	2	45	15	28	2
L.KNCN04	Kỹ năng giao tiếp	2	45	15	28	2
Tổng		43	930	354	542	34
2.2	Các mô đun tự chọn (chọn 6 tín chỉ)					
2.2.1	Chuyên ngành luật nhà nước và luật hành chính					
L.NVCN01	Nghiệp vụ đăng ký và quản lý hộ tịch	2	45	15	28	2
L.NVCN02	Nghiệp vụ chứng thực	2	45	15	28	2
L.NVCN03	Nghiệp vụ tiếp công dân và giải quyết khiếu nại tố cáo	2	45	15	28	2
L.NVCN04	Nghiệp vụ phổ biến, giáo dục pháp luật và hòa giải ở cơ sở	2	45	15	28	2
L.NVCN05	Chính sách công và vấn đề xây dựng và áp dụng chính sách pháp luật ở xã, phường, thị trấn	2	45	15	28	2
L.NVCN06	Nghiệp vụ xử lý vi phạm hành chính	2	45	15	28	2

Mã MH	Tên mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ bài tập/ thảo luận	Thi/ kiểm tra
L.NVCN07	Nghệp vụ văn thư, lưu trữ	2	45	15	28	2
L.KNCN05	Kỹ năng tư vấn pháp luật	2	45	15	28	2
L.KNCN06	Kỹ năng nghiên cứu, hoàn thiện và quản lý hồ sơ	2	45	15	28	2
Tổng		6	135	45	84	6
2.2.2	Chuyên ngành pháp luật hình sự					
L.LCN11	Luật Hình sự 2 (chuyên sâu)	2	45	15	28	2
L.LCN12	Tội phạm học	2	45	15	28	2
L.LCN13	Khoa học điều tra tội phạm	2	45	15	28	2
L.LCN14	Thủ tục đặc biệt trong tố tụng hình sự	2	45	15	28	2
L.LCN15	Tâm lý học tư pháp	2	45	15	28	2
L.LCN16	Tâm lý học tội phạm	2	45	15	28	2
L.KNCN05	Kỹ năng tư vấn pháp luật	2	45	15	28	2
L.KNCN06	Kỹ năng nghiên cứu, hoàn thiện và quản lý hồ sơ	2	45	15	28	2
Tổng		6	135	45	84	6
2.2.3	Chuyên ngành pháp luật dân sự					
L.LCN17	Luật Dân sự 2 (chuyên sâu)	2	45	15	28	2
L.LCN18	Luật Sở hữu trí tuệ	2	45	15	28	2
L.LCN19	Pháp luật về giao dịch bảo đảm	2	45	15	28	2
L.LCN20	Thủ tục giải quyết việc dân sự	2	45	15	28	2
L.NVCN08	Nghệp vụ thi hành án dân sự	2	45	15	28	2

Mã MH	Tên mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ bài tập/ thảo luận	Thi/ kiểm tra
L.NVCN09	Nghệp vụ về tài chính trong hoạt động thi hành án dân sự	2	45	15	28	2
L.KNCN05	Kỹ năng tư vấn pháp luật	2	45	15	28	2
L.KNCN06	Kỹ năng nghiên cứu, hoàn thiện và quản lý hồ sơ	2	45	15	28	2
Tổng		6	135	45	84	6
2.2.4	Chuyên ngành pháp luật kinh tế					
L.LCN21	Luật Thương mại 2 (chuyên sâu)	2	45	15	28	2
L.LCN22	Luật Đầu tư	2	45	15	28	2
L.LCN23	Luật An sinh xã hội	2	45	15	28	2
L.LCN24	Luật Môi trường	2	45	15	28	2
L.LCN25	Luật Cạnh tranh và bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	2	45	15	28	2
L.LCN26	Pháp luật về kinh doanh bất động sản	2	45	15	28	2
L.NVCN10	Nghệp vụ quản lý nhân sự, lao động và tiền lương	2	45	15	28	2
L.KNCN07	Kỹ năng đàm phán, soạn thảo, ký kết và thực hiện hợp đồng	2	45	15	28	2
L.KNCN08	Kỹ năng giải quyết tranh chấp thương mại	2	45	15	28	2
Tổng		6	135	45	84	6
III	THỰC TẬP TỐT NGHIỆP	6	270	0	260	10
Tổng khối lượng chương trình		89	2085	691	1310	84

4. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG CHƯƠNG TRÌNH

4.1. Tổ chức đào tạo

- Các mô đun cơ sở chung từ L.CSC01 đến L.CSC06 được tổ chức đào tạo theo chương trình do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp với các Bộ/Ngành tổ chức xây dựng và ban hành.

- Các mô đun còn lại được tổ chức đào tạo trên cơ sở chương trình mô đun ban hành kèm theo chương trình này, phù hợp với yêu cầu chuẩn đầu ra, năng lực đào tạo của từng trường cũng như năng lực của người học.

4.2. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian hoạt động ngoại khóa

Trường căn cứ vào điều kiện cụ thể, năng lực tổ chức đào tạo và kế hoạch đào tạo đã xác định trong chương trình đào tạo và được công bố thực hiện các hoạt động ngoại khóa đảm bảo đúng quy định.

4.3. Hướng dẫn thi, kiểm tra kết thúc mô đun

- Mỗi mô đun có ít nhất một lần kiểm tra thường xuyên, một lần kiểm tra định kỳ và một lần thi/kiểm tra đánh giá kết thúc mô đun

- Phương thức thi/kiểm tra được quy định cho tiết trong chương trình mô đun.

4.4. Hướng dẫn xét công nhận tốt nghiệp

Người học được công nhận tốt nghiệp và được cấp bằng tốt nghiệp khi đủ các điều kiện sau:

+ Học hết chương trình đào tạo và phải tích lũy đủ số mô đun hoặc tín chỉ theo quy định trong chương trình đào tạo.

+ Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học theo thang điểm 4 đạt từ 2,00 trở lên.

+ Không bị kỷ luật từ mức đình chỉ học tập có thời hạn trở lên, không bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Trường hợp người học có hành vi vi phạm kỷ luật hoặc vi phạm pháp luật chưa ở mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự, Hiệu trưởng phải tổ chức xét kỷ luật trước khi xét điều kiện công nhận tốt nghiệp cho người học đó.

+ Thỏa mãn một số yêu cầu về kết quả học tập đối với mô đun thuộc ngành, nghề đào tạo và các điều kiện khác do hiệu trưởng quy định.

+ Có đơn gửi Trường đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học.

- Hoàn thành chương trình đào tạo, người học sẽ được công nhận danh hiệu cử nhân thực hành.

4.5. Các chú ý khác: Không.

